

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VHL VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT VHL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VHL VIETNAM PRODUCTION AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109144793

**3. Ngày thành lập:** 27/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 11, ngách 673/61A, đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1811        |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1812        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7310(Chính) |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 7.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2511        |
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592        |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;<br>Thiết kế cơ - điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng<br>công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây<br>dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. | 7110        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm                                                        | 4649 |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                  | 4659 |
| 14. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 15. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4752 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                          | 4759 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                           | 3313 |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                           | 3314 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 20. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                         | 4761 |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773 |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                                                 | 4669 |
| 23. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ bán buôn vàng)                                                                                                                                                                                                       | 4662 |
| 24. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                             | 4641 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ THU HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 08/07/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 019177000430

Ngày cấp: 11/09/2018

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *P202A – B1, TT Yên Ngưu, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P202A – B1, TT Yên Ngưu, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội